

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 5 năm 2025
“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Lộc

Ông Hồ Lệ Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Phụng Kiều – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 26/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TP, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã TP, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị E trình bày tại đơn khởi kiện và được bổ sung tại phiên tòa như sau:*

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn Đ chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TB vào ngày 20/3/2006. Trong thời gian chung sống đến nay hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, xung đột gia đình xảy ra không hàn gắn được. Chị xác định hiện không còn tình cảm với anh Đ nên yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung tên Trần Cas T, sinh ngày 26/01/2008; Trần Đức L, sinh ngày 17/8/2011 và Trần Bảo K, sinh ngày 23/10/2018. Hiện 03 người con đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Đ không có nợ chung.

- Đối với anh Trần Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị E và anh Trần Văn Đ được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Trần Văn Đ có nơi cư trú tại xã TP, huyện TB nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử lần thứ hai theo quy định nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị E và anh Trần Văn Đ xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện TB theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hiện chị E yêu cầu xin ly hôn với anh Đ. Theo lời trình bày của chị E tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau, và có nhiều mâu thuẫn dù đã được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Đồng thời, trong suốt thời gian chị E yêu cầu ly hôn tại Tòa án thì anh Đ không đến Tòa án để hòa giải cũng như không gửi ý kiến của mình cho Tòa án, điều đó chứng tỏ anh Đ cũng không có ý thức hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa chị Nguyễn Thị E và anh Trần Văn Đ mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện chị Nguyễn Thị E xác định không còn tình cảm với anh Đ, dù tiếp tục cuộc sống chung cũng không hạnh phúc. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của chị E về việc xin ly hôn với anh Đ

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị E và anh Trần Văn Đ có 03 con chung tên Trần Cas T, sinh ngày 26/01/2008; Trần Đức L, sinh ngày 17/8/2011 và Trần Bảo K, sinh ngày 23/10/2018. Khi ly hôn chị E yêu cầu nuôi cả 03 con chung. Xét thấy, cháu T, L, K đang sống cùng chị E, và có ý kiến nguyện vọng là sống cùng chị E khi cha mẹ ly hôn. Anh Đ cũng không có văn bản yêu cầu về việc nuôi con chung. Do đó để tránh xáo trộn tâm lý và ảnh hưởng học tập nên tiếp tục giao 03 con chung cho chị E tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị E không đặt ra yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Trần Văn Đ không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị E xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị E khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị E phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Nguyễn Thị E về việc xin ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Cas T, sinh ngày 26/01/2008; Trần Đức L, sinh ngày 17/8/2011 và Trần Bảo K sinh ngày 23/10/2018 cho chị Nguyễn Thị E trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn Đ không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị E phải chịu. Chị E đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0016786 vào ngày 04/02/2025 được đối trừ, chị E đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị E có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã TP, huyện TB;
- Đường sự;
- Lưu Hồ sơ; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Kim Cương